

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Cải tạo hồ Kênh Kênh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2473/STNMT-CCBVMT ngày 13/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Cải tạo hồ Kênh Kênh của UBND huyện Phù Cát;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Cải tạo hồ Kênh Kênh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1566/UBND-BQL ngày 07/10/2022 của UBND huyện Phù Cát;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 934/TTr-STNMT ngày 09/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM dự án Cải tạo hồ Kênh Kênh (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Phù Cát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cát Trinh và thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND thị trấn Ngô Mây;
- UBND xã Cát Trinh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN CẢI TẠO HỒ KÊNH KÊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Cải tạo hồ Kênh Kênh.
- Địa điểm thực hiện: xã Cát Trinh và thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: UBND huyện Phù Cát.

1.2. Phạm vi, quy mô:

Quy mô: dự án có diện tích 93.657,9 m².

1.3. Quy trình nạo vét lòng hồ

- Phương án nạo vét lòng hồ: Máy đào (có công suất 1,25 m³ - 1,6 m³) → Ô tô tự đổ 10 tấn → Bãi tập kết tạm → Đưa đi san lấp.
- Phương án lắng tạm chất nạo vét: Bãi tập kết chất nạo vét (thời gian lắng 24 giờ) → Hồ lắng → Ống PVC D200mm → Thoát ra hồ Kênh Kênh.
- Phương án vận chuyển chất nạo vét: Vật chất nạo vét (sau khi lắng) → Ô tô tự đổ 10 tấn → Đưa đi san lấp.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

- Các hạng mục công trình:
 - + Nạo vét lòng hồ (hồ lớn) với diện tích 46.658,93 m² với khối lượng vật chất nạo vét khoảng 39.163 m³.
 - + Xây dựng mở rộng một số tuyến đường giao thông bao quanh hồ Kênh Kênh bao gồm: đường Nguyễn Trung Trực, đường Lê Thánh Tông, đường D1, đường N4.
 - + Xây dựng kè bảo vệ bờ.
 - + Sửa chữa cống điều tiết.
 - + Xây dựng các hạng mục công trình kiến trúc: nhà dịch vụ bên thuyền, cụm kiến trúc cổng chào chính công viên, hệ thống các chòi nghỉ, dàn hoa trang trí, hệ thống ghé ngồi, 02 cụm tượng, nhà ban quản lý kết hợp nhà vệ sinh công cộng, dịch vụ công viên (phía Đông Nam), nhà vệ sinh công cộng (bán hầm) kết hợp dịch vụ công viên phía Bắc.
 - + Xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật: cấp nước, cấp điện, thoát nước mưa, thoát nước thải, cây xanh, thảm cỏ.
- Các hoạt động của dự án:

+ Giai đoạn thi công: các hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng; nạo vét lòng hồ; đào đắp, san nền mặt bằng; vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu, chất nạo vét; thi công xây dựng kè; sinh hoạt của công nhân,...

+ Giai đoạn hoạt động: các hoạt động sinh hoạt, vui chơi, giải trí tại khu vực dự án,...

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 1.968 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Các tác động môi trường chính:

- Hoạt động nạo vét lòng hồ, vận chuyển vật chất nạo vét: bụi và khí thải từ các thiết bị thi công; vật chất lơ lửng gây ô nhiễm nguồn nước mặt.

- Hoạt động thi công xây dựng: phát sinh nước mưa chảy tràn, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp, vận chuyển vật chất nạo vét.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân với lưu lượng khoảng 1,44 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị khoảng 2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

- Nước rỉ từ bãi tập kết vật chất nạo vét sau khi lắng. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ, vi sinh và bùn lỏng.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

Nước thải sinh hoạt của nhà vệ sinh công cộng và nhà hàng phát sinh với lưu lượng khoảng 4,23 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên

vật liệu, vật chất nạo vét; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công; mùi hôi từ bãi tập kết vật chất nạo vét. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , H_2S , VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn từ quá trình dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 8,55 tấn. Thành phần chủ yếu là thân cây, lá, gốc cây,...

- Chất thải rắn trong quá trình xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng 180 kg. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, nilông,...

- Vật chất nạo vét lòng hồ phát sinh với khối lượng khoảng 39.163 m³. Thành phần chủ yếu bùn và đất.

- Chất thải rắn sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 27,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì nilông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 45,6 kg/năm. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy trộn bê tông, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, xây dựng đường giao thông, kè mái phát sinh tiếng ồn, độ rung có khả năng ảnh hưởng đến công nhân đang thi công, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến hệ sinh thái lòng hồ, người dân sống lân cận tại khu vực Dự án và dọc tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động thi công nạo vét tác động đến hiện trạng đa dạng sinh học; chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: được thu gom và xử lý bằng các nhà vệ sinh di động dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước rỉ từ bãi tập kết vật chất nạo vét: bố trí hố lắng có diện tích khoảng 100 m² tại bãi tập kết tạm vật chất nạo vét để lắng nước rỉ từ vật chất nạo vét; nước sau khi lắng theo đường ống bằng nhựa PVC có kích thước D200mm thoát ra hồ Kênh Kênh.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để thoát nước nhanh, đảm bảo không gây ngập úng cục bộ.

b) Giai đoạn hoạt động

Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh công cộng và khu nhà hàng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và thu gom vào tuyến ống bằng HDPE có kích thước D225mm và D315mm dẫn về trạm bơm nước thải, sau đó bơm về trạm xử lý nước thải chợ Phù Cát để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra kênh suối Thố.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín tránh rơi vãi.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Đối với vật chất nạo vét

- Bố trí bãi tập kết vật chất nạo vét tạm có diện tích khoảng 1.200 m², có đê bao xung quanh bằng đất cao 1,0 m. Vật chất nạo vét sau khi lắng khô ráo được vận chuyển đắp san nền công viên và san lấp mặt mặt cho các dự án trên địa bàn huyện.

- Trước khi vận chuyển vật chất nạo vét ra khỏi công trình, Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh về việc quản lý, xử lý và sử dụng khối lượng vật chất nạo vét theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định.

b) Đối với chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành. Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Lắp đặt biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người dân xung quanh được biết.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở, ngập úng

- Thực hiện nạo vét đúng quy trình kỹ thuật, cao độ và theo thiết kế đảm bảo độ ổn định cho bờ; không nạo vét tập trung tại một chỗ, thực hiện nạo vét theo hình thức cuốn chiếu, hạn chế tới mức tối đa việc tạo hố sâu ở khu vực dự án.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy xung quanh công trường thi công đảm bảo không để gây ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng của Chủ dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ Khu vực bãi tập kết vật chất nạo vét (KK1). Tọa độ 1.548.532; 587.912.

+ Khu vực trước UBND thị trấn Ngô Mây (KK2). Tọa độ: 1.548.518; 587.699.

- Chỉ tiêu giám sát: Bụi, ồn CO, SO₂, NO₂.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát:

+ Khu vực hồ Kênh Kênh (NM1), tọa độ 1.548.562; 587.820.

+ Khu vực kênh suối Thó (NM2), tọa độ: 1.548.349; 587.884.

- Chỉ tiêu giám sát: TSS, NH₄⁺, BOD₅, dầu mỡ.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.3. Giám sát sạt lở

- Vị trí giám sát: bãi tập kết vật chất nạo vét.

- Tần suất giám sát: thường xuyên trong thời gian thi công.